

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
THU, CHI NSĐP TỈNH SÓC TRĂNG QUÝ I NĂM 2018**

*(Kèm theo Công văn số 1333/STC-NS ngày 11/4/2018
của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)*

I. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng quý I năm 2018 là 953.212 triệu đồng, đạt 25,69% so với dự toán năm và bằng 120,77% so với cùng kỳ năm trước (thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 939.634 triệu đồng, đạt 36,12% so với dự toán năm và bằng 113,88% so với cùng kỳ năm trước), trong đó:

1. Thu nội địa 980.724 triệu đồng, đạt 35,46% so với dự toán năm, bằng 127,48% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

a) Các khoản thu nội địa đạt tỷ lệ cao trên 25% dự toán năm:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 52.626 triệu đồng, đạt 52,63% so với dự toán năm và bằng 198,59% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh 250.264 triệu đồng, đạt 29,44% so với dự toán năm và bằng 338,19% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế thu nhập cá nhân 74.737 triệu đồng, đạt 29,31% so với dự toán năm và bằng 138,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu về nhà, đất 37.154 triệu đồng, đạt 39,95% so với dự toán năm và bằng 70,37% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu khác ngân sách 28.281 triệu đồng, đạt 29,77% so với dự toán năm và bằng 188,54% so với cùng kỳ năm trước.

b) Ngoài ra, còn có 2 khoản thu không đạt dự toán:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước 35.107 triệu đồng, đạt 23,72% so với dự toán năm và bằng 19,13% so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân là do Công ty Bia Sài Gòn Sóc Trăng chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang



khu vực kinh tế ngoài quốc doanh nên thu từ khu vực ngoài quốc doanh tăng cao so với năm trước.

- Thu phí, lệ phí 17.970 triệu đồng, đạt 19,97% so với dự toán năm và bằng 97,14% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu -27.512 triệu đồng là do trong quý I năm 2018 đã thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền là 512.053 triệu đồng. Ngoài ra, các khoản thu còn lại đều vượt trên 25% so với dự toán năm như: Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu 390.125 triệu đồng, đạt 43,83% so với dự toán năm và bằng 981,15% so với cùng kỳ năm trước; thuế nhập khẩu 94.203 triệu đồng, đạt 174,45% so với dự toán năm và bằng 19.463,43% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo Biểu số 60/CK-NSNN đính kèm)

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng quý I năm 2018 là 2.289.421 triệu đồng, đạt 24,02% so với dự toán năm và bằng 132,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương:

a) Chi đầu tư phát triển 786.542 triệu đồng, đạt 46,33% so với dự toán năm và bằng 157,62% so với cùng kỳ năm trước. Số chi đầu tư đạt cao là do các chủ đầu tư thanh toán từ nguồn chi chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018 tiếp tục thực hiện là 716.950.766.282 đồng; chi trích lập Quỹ Phát triển đất.

b) Chi thường xuyên 1.259.722 triệu đồng đạt 22,61% so với dự toán năm và bằng 102,72% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Chi sự nghiệp y tế 231.482 triệu đồng, đạt 32,85% so với dự toán năm và bằng 261,23% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp y tế đạt cao là do thực hiện mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước hỗ trợ ngay từ đầu năm.

- Chi bảo đảm xã hội 59.144 triệu đồng, đạt 29,57% so với dự toán năm và bằng 30,31% so với cùng kỳ năm trước. Chi bảo đảm xã hội đạt cao so với dự toán là do thực hiện hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, hộ gia đình chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ là 1.115 triệu đồng, đạt 4,05% so với dự toán năm và bằng 23,16% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ nguyên nhân đạt tỷ lệ thấp là do một số đề tài dự án năm 2018 đang trong giai đoạn xét duyệt, chọn chủ nhiệm đề tài để thực hiện.

- Chi sự nghiệp môi trường 8.015 triệu đồng, đạt 8,96% so với dự toán năm và bằng 217,27% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp môi trường

đạt tỷ lệ thấp là do cần phải phối hợp với các ngành, các địa phương để chọn dự án cấp thiết để thực hiện trong năm.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

Tổng chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu 234.639 triệu đồng, đạt 11,12% so với dự toán năm. Trong đó, chi chương trình mục tiêu quốc gia 13.299 đạt tỷ lệ thấp là do văn bản hướng dẫn của cơ quan trung ương về hướng dẫn đối tượng, phạm vi phân bổ vốn chậm nên đến tháng 3 năm 2018 mới thực hiện giao dự toán về các đơn vị, địa phương để thực hiện; chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư 89.120 triệu đồng đạt 6,5% so với dự toán năm nguyên nhân là do các chủ đầu tư phải thực hiện các thủ tục theo Luật Đầu tư công.

(Chi tiết theo Biểu số 61/CK-NSNN đính kèm)

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng quý I năm 2018./.





SỞ TÀI CHÍNH

QUẢN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 1333/STC-NS, ngày 11/4/2018 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.710.000	1.304.302	35,16	127,53
I	Thu cân đối NSNN	3.710.000	953.212	25,69	120,77
1	Thu nội địa	2.766.000	980.724	35,46	127,48
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	944.000	-27.512	-2,91	-137,56
4	Thu viện trợ	0	0		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		351.090		150,37
B	TỔNG CHI NSDP	9.529.482	2.289.421	24,02	132,40
I	Chi cân đối NSDP	7.420.265	2.054.782	27,69	118,83
1	Chi đầu tư phát triển	1.697.640	786.542	46,33	157,62
2	Chi thường xuyên	5.570.855	1.259.722	22,61	102,72
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.900	0	0,00	0,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,00	100,00
5	Dự phòng ngân sách	147.870	7.518	5,08	0,00
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.109.217	234.639	11,12	0,00
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	46.800			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	20.000	5.040	25,20	



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 1333/STC-NS, ngày 11/4/2018 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.710.000	953.212	25,69	120,77
I	Thu nội địa	2.766.000	980.724	35,46	127,48
1	Thu từ khu vực DNNN	148.000	35.107	23,72	19,13
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100.000	52.626	52,63	198,59
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	850.000	250.264	29,44	338,19
4	Thuế thu nhập cá nhân	255.000	74.737	29,31	138,40
5	Thuế bảo vệ môi trường	163.000	41.040	25,18	134,56
6	Lệ phí trước bạ	140.000	36.363	25,97	123,26
7	Thu phí, lệ phí	90.000	17.970	19,97	97,14
8	Các khoản thu về nhà, đất	93.000	37.154	39,95	70,37
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	3.000	1.812	60,40	226,50
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	70.000	29.973	42,82	61,17
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	20.000	5.369	26,85	178,97
-	<i>Tiền cho thuê nhà và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	826.000	407.182	49,30	142,87
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	6.000	0,00		
13	Thu khác ngân sách	95.000	28.281	29,77	188,54
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	944.000	-27.512	-2,91	-137,56
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	890.000	390.125	43,83	981,15
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu	54.000	94.203	174,45	19.463,43
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		163		
6	Thu khác		50		625,00
7	Hoàn thuế GTGT		-512.053		
IV	Thu viện trợ				
B	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.601.600	939.634	36,12	113,88
1	Từ các khoản thu phân chia	1.506.800	427.149	28,35	117,22
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.094.800	512.485	46,81	111,24



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 1333/STC-NS, ngày 11/4/2018 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	9.529.482	2.289.421	24,02	132,40
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.420.265	2.054.782	27,69	118,83
I	Chi đầu tư phát triển	1.697.640	786.542	46,33	157,62
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.676.640	765.542	45,66	156,23
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	21.000	21.000	100,00	233,33
II	Chi thường xuyên	5.570.855	1.259.722	22,61	102,72
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.445.333	582.600	23,82	125,13
2	Chi khoa học và công nghệ	27.510	1.115	4,05	23,16
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	704.673	231.482	32,85	261,23
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	44.627	8.867	19,87	103,67
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	13.369	2.661	19,90	48,38
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30.310	4.558	15,04	161,57
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	89.424	8.015	8,96	217,27
8	Chi sự nghiệp kinh tế	631.160	118.203	18,73	133,11
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.133.502	294.233	25,96	105,71
10	Chi bảo đảm xã hội	200.014	59.144	29,57	30,31
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.900		0,00	0,00
IV	Chi bổ sung quỹ, dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,00	100,00
V	Dự phòng ngân sách	147.870	7.518	5,08	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.109.217	234.639	11,12	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	210.223	13.299	6,33	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.370.128	89.120	6,50	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	528.866	132.220	25,00	